

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu D, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu D, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Mạnh H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Mạnh H1 xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/8/2008; Nguyễn Bảo C, sinh ngày 18/11/2013 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 18/11/2013. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thoả thuận giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Bảo C và Nguyễn Bảo N1; giao cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo N. Anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Bảo N1 với mức 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng trên tháng) kể từ tháng 6/2024 đến khi cháu Nguyễn Bảo N1 thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Mạnh H1 xác định vợ chồng có 01 thửa đất số 655, tờ bản đồ số 23 có diện tích 200 m² đất ở, tại địa chỉ: khu E, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ đứng tên chủ sử dụng hộ ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị Thu H. Hai bên thống nhất thoả thuận giao cho chị H được quyền quản lý,

sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất; diện tích 100 m² đất ở có các cạnh theo chỉ giới 1, 2, 5, 6, 1 (Theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo). Giao cho anh H1 được quyền quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất; diện tích 100 m² đất ở có các cạnh theo chỉ giới 2, 3, 4, 5, 2 (Theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Ngoài ra có 01 ngôi nhà cấp bốn xây trên diện tích đất công (hành lang đô), một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình chị H và anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Mạnh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Mạnh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 8.100.000 đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản (Chị H đã nộp).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H chịu toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001574 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao.

Về án phí chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Mạnh H1 mỗi người phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Liên